

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG

NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH

MÃ SỐ: 8340101

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2147/QĐ-ĐHKT ngày 23/6/2023

của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế)

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:
- + Tiếng Việt: Quản trị kinh doanh.
- + Tiếng Anh: Business Administration.
- Mã số ngành đào tạo: 8340101
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
- + Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh.
- + Tiếng Anh: The Degree of Master in Business Administration.
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN.

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo các thạc sĩ Quản trị kinh doanh (MBA) có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực quản trị kinh doanh, có kỹ năng thực hành quản trị chuyên nghiệp và hiệu quả để có thể trở thành các doanh nhân và nhà lãnh đạo doanh nghiệp với tầm nhìn và tri thức về quản trị kinh doanh trong môi trường toàn cầu, có năng lực điều hành và tổ chức thực thi các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình Thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh định hướng ứng dụng được xây dựng nhằm mục tiêu trang bị cho người học phương pháp tư duy khoa học, có tư duy chiến lược và các kỹ năng tác nghiệp cụ thể về các lĩnh vực như: Lãnh đạo trong tổ chức, Quản trị Marketing, Quản trị nguồn nhân lực, Quản trị tài chính, Quản trị dự án, Quản trị rủi ro.... Người học cũng

có các kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định trong bối cảnh thông tin bất đối xứng, được trang bị nền tảng đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp, biết thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp một cách đúng đắn để hài hòa các lợi ích trong xã hội.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh

- Xét tuyển thẳng theo Hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Xét tuyển (bao gồm đánh giá hồ sơ và phỏng vấn)

3.2. Đối tượng tuyển sinh

3.2.1. Điều kiện văn bằng

Ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức

- **Nhóm 1:** Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Quản trị kinh doanh hoặc ngành Kinh tế có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Quản trị kinh doanh được dự thi ngay.

Ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức

- **Nhóm 2:** Có bằng tốt nghiệp đại học các ngành thuộc nhóm ngành Kinh tế học, Kinh doanh, Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm, Kế toán – Kiểm toán, Quản trị - Quản lý được dự thi sau khi hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức gồm 05 học phần (15 tín chỉ).

- **Nhóm 3:** Có bằng tốt nghiệp đại học một số ngành khác được dự thi sau khi hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức gồm 09 học phần (27 tín chỉ).

3.2.2. Điều kiện về ngoại ngữ

Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

3.2.3. Điều kiện thâm niên công tác

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc Nhóm 1 và 2: Không yêu cầu kinh nghiệm công tác;

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc Nhóm 3: Phải có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự thi.

3.3. Danh mục các ngành phù hợp

Ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức: ngành Quản trị kinh doanh, ngành Kinh tế có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Quản trị kinh doanh;

Ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức

- Danh mục các ngành gần: các ngành thuộc nhóm ngành Kinh tế học, Kinh doanh, Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm, Kế toán – Kiểm toán, Quản trị - Quản lý.

- Danh mục các ngành khác: ngành Quốc tế học, Giáo dục chính trị, Ngôn ngữ Anh; các ngành thuộc lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi (trừ các ngành thuộc nhóm ngành Kinh tế học), Báo chí và thông tin, Toán và Thống kê, Máy tính và Công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật, Kỹ thuật, Kiến trúc và xây dựng; Nông, lâm nghiệp và thủy sản; Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân.

3.4. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức

- Đối với đối tượng thuộc Nhóm 2, danh mục các học phần bổ sung kiến gồm 05 học phần (15 tín chỉ).

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Kinh tế vi mô	3
2	Kinh tế vĩ mô	3
3	Quản trị học	3
4	Nguyên lý Quản trị Kinh doanh	3
5	Nguyên lý Marketing	3
Tổng cộng		15

- Đối với đối tượng thuộc Nhóm 3, danh mục các học phần bổ sung kiến gồm 09 học phần (27 tín chỉ).

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Kinh tế vi mô	3
2	Kinh tế vĩ mô	3
3	Quản trị học	3
4	Nguyên lý Quản trị Kinh doanh	3
5	Nguyên lý Marketing	3
6	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	3
7	Quản trị tài chính	3
8	Quản trị nguồn nhân lực	3
9	Quản trị chiến lược	3
Tổng cộng		27

3.5. Dự kiến quy mô tuyển sinh: 180 học viên/năm

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

1.1. Kiến thức chung trong ĐHQGHN

PLO1: Người học có hiểu biết về thế giới quan, có phương pháp luận triết học Mác – Lênin; có trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh) tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và sử dụng được những kiến thức này trong học tập, nghiên cứu và điều hành doanh nghiệp phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế.

1.2. Kiến thức nhóm chuyên ngành

PLO2: Người học nắm vững những kiến thức chuyên sâu về tư duy chiến lược, biết hoạch định chiến lược kinh doanh.

PLO3: Người học làm chủ được những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về lãnh đạo trong tổ chức, quản trị marketing, quản trị nguồn nhân lực, quản trị công nghệ, quản trị tài chính, quản trị dự án...

1.3. Kiến thức chuyên ngành

PLO4: Người học có khả năng vận hành và triển khai được các chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp/tổ chức; giải quyết được các tình huống phức tạp trong kinh doanh và đưa ra được các quyết định quản trị đúng đắn phù hợp với đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp.

PL05: Người học vận dụng được những kiến thức chuyên môn sâu về các lĩnh vực hoạt động kinh doanh như quản trị marketing, quản trị nguồn nhân lực, quản trị tài chính, quản trị chuỗi cung ứng, quản trị sự thay đổi, quản trị rủi ro.... vào điều hành, quản trị các doanh nghiệp trong môi trường toàn cầu.

PLO6: Người học biết thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp một cách đúng đắn để hài hòa các lợi ích trong xã hội và phát triển doanh nghiệp bền vững.

2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

2.1. Kỹ năng cứng

PLO7: Người học có khả năng phân tích, đánh giá và dự báo có luận cứ khoa học về những thay đổi của môi trường kinh tế vĩ mô cũng như môi trường hoạt động kinh doanh từ đó đưa ra các quyết sách đúng đắn cho chiến lược phát triển doanh nghiệp trong dài hạn.

PLO8: Có năng lực điều hành các nghiệp vụ quản trị kinh doanh của doanh nghiệp một cách khoa học và hiệu quả.

2.2. Kỹ năng mềm

PLO9: Kỹ năng cá nhân: Có kỹ năng lãnh đạo bản thân và lãnh đạo tổ chức; sáng tạo và vận dụng các kiến thức lý luận, phát huy các kinh nghiệm của bản thân trong việc phân tích và xử lý các tình huống quản trị kinh doanh.

PLO10: Làm việc theo nhóm: Có kỹ năng phối hợp xây dựng và triển khai dự án kinh doanh.

PLO11: Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ: Sử dụng được tiếng Anh tương đương mức B2 hoặc bậc 4/6 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PL012: Người học có khả năng độc lập, tự chủ, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, có khả năng chỉ đạo và tổ chức thực hiện các hoạt động quản trị doanh nghiệp; Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động quản trị trong doanh nghiệp; Có ý thức, trung thực và tự chịu trách nhiệm trước những hành vi và quyết định của mình trong công việc; Có ý thức bảo vệ môi trường, có trách nhiệm xã hội, bảo vệ lợi ích cộng đồng.

4. Những vị trí công tác mà người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Tốt nghiệp chương trình thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh định hướng ứng dụng, người học có thể đảm nhiệm một trong số các vị trí công tác sau:

Nhóm 1: Nhà quản lý cấp trung tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Nhóm 2: Chủ doanh nghiệp, giám đốc điều hành (CEO) tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, học viên có đủ kiến thức, năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp để tiếp tục học tập, nghiên cứu sâu hơn ở bậc tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội với các điều kiện xét tuyển tương ứng theo quy định hoặc có thể tiếp tục theo học các chương trình đào tạo trong và ngoài nước theo những chuyên ngành phù hợp.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo: 65 tín chỉ, trong đó:

- Khối kiến thức chung: 9 tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành: 41 tín chỉ
 - + Bắt buộc: 25 tín chỉ
 - + Tự chọn: 16/36 tín chỉ
- Thực tập thực tế và tốt nghiệp: 15 tín chỉ
 - + Chuyên đề Thực tập thực tế 1: 03 tín chỉ
 - + Chuyên đề Thực tập thực tế 2: 03 tín chỉ
 - + Đề án tốt nghiệp: 09 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Hoạt động nhóm	Tự học	
I	Khối kiến thức chung		9				
1	PHI5003	Triết học (<i>Philosophy</i>)	4	60	0	0	
2	ENG5002	Tiếng Anh B2 (<i>English B2</i>)	5	20	50	5	
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		41				
II.1	Các học phần bắt buộc		25				
3	BSA6004	Quản trị chiến lược nâng cao (<i>Advanced Strategic Management</i>)	3	25	20	0	
4	BSA6105	Quản trị Marketing nâng cao (<i>Advanced Marketing Management</i>)	3	25	20	0	
5	BSA6016	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao (<i>Advanced Human Resource Management</i>)	3	25	20	0	
6	BSA6115	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp trong hội nhập quốc tế (<i>Business Ethics and Corporate Culture in International Integration</i>)	3	25	20	0	
7	BSA6018	Lãnh đạo trong tổ chức (<i>Leadership in Organizations</i>)	2	15	15	0	

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Hoạt động nhóm	Tự học	
8	BSA6051	Quản trị phát triển bền vững (Sustainability management)	2	20	10	0	
9	BSA6017	Quản trị sản xuất tác nghiệp nâng cao (Advanced Production and Operation Management)	3	25	20	0	
10	BSA6329	Quản trị công nghệ nâng cao (Advanced Management of Technology)	3	25	20	0	
11	BSA6021	Quản trị công ty nâng cao (Advanced Corporate Governance)	3	25	20	0	
II.2	Các học phần tự chọn		16/36				
12	BSA6001	Các lý thuyết quản trị hiện đại (Modern management theories)	2	20	10	0	
13	BSA6102	Quản trị đổi mới sáng tạo (Innovation Management)	2	20	10	0	
14	INE6008	Các thị trường và định chế tài chính (Financial Institutions and Markets)	2	20	10	0	
15	FIB 6008	Kế toán quản trị nâng cao (Advanced Managerial Accounting)	2	20	10	0	
16	BSA6019	Ra quyết định quản trị (Managerial Decision Making)	2	20	10	0	
17	INE6102	Quản trị chuỗi cung ứng (Supply Chain Management)	3	30	15	0	
18	BSA6025	Quan hệ công chúng (Public Relation)	2	20	10	0	
19	BSA6326	Quản trị rủi ro nâng cao (Advanced Risk Management)	2	20	10	0	
20	BSA6027	Tinh thần doanh nghiệp (Entrepreneurship)	2	20	10	0	
21	BSA6003	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao (Advanced Corporate Finance Management)	3	25	20	0	
22	BSA6234	Quản trị dự án nâng cao (Advanced Project Management)	2	20	10	0	
23	BSA6235	Quản trị thương hiệu nâng cao (Advanced Brand Management)	2	20	10	0	
24	BSA6142	Hành vi tổ chức nâng cao (Advanced Organizational Behavior)	2	20	10	0	
25	INE6020	Kinh doanh quốc tế: Thách thức trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu	3	30	15	0	

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Hoạt động nhóm	Tự học	
		<i>(International Business: Challenges of Global Competition)</i>					
26	INE6116	Thương mại điện tử: Lý thuyết và ứng dụng <i>(E-Commerce: Theories and Application)</i>	2	20	10	0	
27	BSA6022	Quản trị tài chính quốc tế <i>(International Finance Management)</i>	3	30	15	0	
III		Thực tập thực tế và tốt nghiệp	15				
28	BSA6049	Chuyên đề thực tập thực tế 1 <i>(Internship 1)</i>	3	0	45	0	
29	BSA6050	Chuyên đề thực tập thực tế 2 <i>(Internship 2)</i>	3	0	45	0	
30	BSA6052	Đề án tốt nghiệp <i>(Graduation Thesis)</i>	9	0	0	135	
Tổng cộng			65				

Ghi chú: Học phần Tiếng Anh B2 là học phần điều kiện, được tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo, nhưng kết quả đánh giá học phần này không tính vào điểm trung bình chung tích lũy.

3. Ma trận đóng góp của các học phần trong CTĐT với chuẩn đầu ra của CTĐT

STT	Tên học phần	Mã học phần	Mã chuẩn đầu ra											
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
1	Triết học	PHI5003	4										4	
2	Tiếng Anh B2	ENG5002												
3	Quản trị chiến lược nâng cao	BSA16004		4	3	4	4	3	3	3	3	3		2
4	Quản trị Marketing nâng cao	BSA6105		4	3	3	3	3	4	4	3	3		2
5	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao	BSA6016		4	4	3	4	3	3	3	3			3
6	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp trong hội nhập quốc tế	BSA6115		3	3	4	3	4	3	3				3
7	Lãnh đạo trong tổ chức	BSA6018		3	4	4	4	3	3	4	4	3		4
8	Quản trị phát triển bền vững	BSA6017		3	4	3	4	4	4	3	3			3
9	Quản trị sản xuất tác nghiệp nâng cao	BSA6017		3	3	3	4	3	3	3				3
10	Quản trị công nghệ nâng cao	BSA6329		3	4	3	4	3	3	3	3			3
11	Quản trị công ty nâng cao	BSA6021		4	4	3	4	3	3	4	3	3		3
12	Các lý thuyết quản trị hiện đại	BSA6001		3	4	4	4	3	4	4	4	3		3
13	Quản trị đổi mới sáng tạo	BSA6102		2	3	3	4	3	3	3				3
14	Các thị trường và định chế tài chính	INE6008			3	3	4		3			3		3

STT	Tên học phần	Mã học phần	Mã chuẩn đầu ra											
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
15	Kế toán quản trị nâng cao	BSA6010					3			4	4			3
16	Ra quyết định quản trị	BSA6019		4	3	4	4	3	4	3	3	3		3
17	Quản trị chuỗi cung ứng	INE6102		2	3		4		3	3	3			3
18	Quan hệ công chúng	BSA6025		3	3	3	4	3	3	3	3	3		3
19	Quản trị rủi ro nâng cao	BSA6326		3	3	4	4	3	3	3	3	3		3
20	Tinh thần doanh nghiệp	BSA6027			3	3	4	4	3	3	3	3		2
21	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao	BSA6003		2	4	4	4			4	3	3		3
22	Quản trị dự án nâng cao	BSA6234		3	4	3	4	3	4	4	3			3
23	Quản trị thương hiệu nâng cao	BSA6235		3	4	3	4	3	3	3	4	4		3
24	Hành vi tổ chức nâng cao	BSA6142		3	3	4	4	3	3	3	3	3		3
25	Kinh doanh quốc tế: Thách thức trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu	INE6020			3	3	3		4	3	3	3		3
26	Thương mại điện tử: Lý thuyết và ứng dụng	INE6116		3	3	3	3			3	3	3		3
27	Quản trị tài chính quốc tế	BSA6022		3	4	3	3			3	4			2
28	Chuyên đề thực tập thực tế 1	BSA6049		3	3	3	3		4	3	4	3		3
29	Chuyên đề thực tập thực tế 2	BSA6050		4	4	3	3		4	3	4	3		3
30	Đề án tốt nghiệp	BSA6052		4	4	3	3		4	3	4	3		3